

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-5-2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Phan Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khẩn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị L, sinh năm 1998 – *Có mặt.*

Địa chỉ: Bản Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

CCCD số: 067198002139.

Bị đơn: Anh Bùi Đức D, sinh năm 1986 – *Vắng mặt không có lý do.*

Địa chỉ: Bon P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

CCCD số: 038086028009.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-3-2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Đức D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017. Ngày 28-10-2022, tôi và anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Chúng tôi đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Việc đăng ký trễ là do hộ khẩu của anh D ở tỉnh Thanh Hóa, chưa sắp xếp về được để làm giấy tờ.

Sau khi kết hôn, chúng tôi sinh sống tại nhà thuê ở bon P, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, nay là bon P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 01-01-2023 (âm lịch), do mâu thuẫn, anh D lấy cớ đánh con và đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi về nhà mẹ sinh sống cho đến nay.

Chúng tôi ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không có đóng góp chung về kinh tế, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Đức D.

Anh Bùi Đức D không có nhà ở, hiện ở nhà bạn tại bon P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Giàng Thị Bích N, sinh ngày 11-7-2018 và Giàng Ngọc D1, sinh ngày 31-10-2019. Từ ngày 01-01-2023 (âm lịch) anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tháng 3 năm 2026, tôi đưa con về ở chung và đăng ký khai sinh cho 02 con. Lý do đăng ký khai sinh trễ là vì trước đây anh D nói không cần. Khoảng ngày 07-4-2026, anh D lại đến nhà tôi đón con đi, ban đầu nói đón con đi chơi nhưng khi tôi đón về thì anh D không cho. Cả 02 con chưa được đi học do trước đó anh D không làm giấy khai sinh cho con.

Anh D không có nhà ở ổn định, khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Đức D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để làm việc nên không có trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Giàng Thị L đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Đức D do anh chị ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng và không thể hàn gắn. Hiện tại 02 con chung đang ở với chị và chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con. Chị trình bày hiện làm nông, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng; có nhà đất do cha mẹ cho, có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên không có trình bày.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không có mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Đức D.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L được ly hôn với anh Bùi Đức D. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Giàng Thị Bích N và Giàng Ngọc D1 cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Chị Giàng Thị L chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của chị Giàng Thị L, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Đức D và giải quyết về con chung, đây là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Đức D cư trú tại B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L và anh Bùi Đức D đăng ký kết hôn ngày 28-10-2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, không thể tìm tiếng nói chung nên từ ngày 01-01-2023 (âm lịch) đến nay anh chị ly thân.

Chị Giàng Thị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có hành vi bạo lực với vợ và con, thường xuyên uống rượu say xỉn, không có công việc ổn định. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng với anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng đã tổ chức 02 phiên hòa giải nhưng anh D đều không có mặt, thể hiện anh không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa anh chị, từ bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Giàng Thị L, anh Bùi Đức D phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân nhiều năm là có thật. Cả hai không còn cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình, không đóng góp chung về kinh tế một thời gian dài chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa quan hệ hôn nhân là việc gắn kết tự nguyện của hai bên, không thể bị ép buộc hay cản trở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giàng Thị L đối với anh Bùi Đức D.

Về con chung: Chị Giàng Thị L và anh Bùi Đức D có 02 con chung là Giàng Thị Bích N, sinh ngày 11-7-2018 và Giàng Ngọc D1, sinh ngày 31-10-2019. 02 con được chị Giàng Thị L đăng ký khai sinh ngày 17 và 18 tháng 3 năm 2026. Khi ly hôn, chị Giàng Thị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành.

Về nguyện vọng của con: Con chung trên 7 tuổi của anh chị trình bày: “Con chưa được đi học, lý do là ba không làm giấy khai sinh. Mẹ mới đưa đi làm giấy khai sinh nên năm tới con mới được đi học. Trong thời gian làm giấy khai sinh con và em ở với mẹ. Làm xong ba tới đón đi chơi nhưng không đưa về với mẹ. Ba con thường xuyên nhậu, mỗi ngày đều nhậu. Tiền nhậu ba có từ lượm điều. Ở nhà con nấu cơm, trông em, ba không lo cho con. Ba mà nhậu xỉn thì đánh cả con và em, đánh bằng roi, cứ mỗi lần xỉn thì đánh. Ba con không có nhà, ba, con và em ở trong nhà của người khác (nhà hoang) do người ta không ở nữa. Con có nguyện vọng được ở với mẹ, con cũng muốn em được ở với mẹ.”

Hội đồng xét xử xét thấy anh Bùi Đức D không có nhà ở, không có công việc

ổn định, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con không tốt, khó đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các con chung của anh chị. Mặt khác, chị Giàng Thị L làm nông, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng; có nhà, đất do cha mẹ cho, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn anh D. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị L, giao Giàng Thị Bích N và Giàng Ngọc D1 cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Giàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Giàng Thị L đối với anh Bùi Đức D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L được ly hôn với anh Bùi Đức D.
2. Về con chung: Giao Giàng Thị Bích N, sinh ngày 11-7-2018 và Giàng Ngọc D1, sinh ngày 31-10-2019 cho chị Giàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị L chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005784 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- UBND xã Quảng Tân, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ, VP.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà